

Số: 281/2023/QĐST-HNGĐ

S, ngày 27 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 301/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Ma Văn K** – Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Bà **Bế Thị K1** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Ma Trung K2** – Sinh năm: 1986 và chị **La Thị Q** – Sinh năm: 1990; Anh K2 và chị Q cùng trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Ma Văn K và bà Bế Thị K1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Ma Văn K và bà Bế Thị K1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống, ông Ma Văn K và bà Bế Thị K1 có 04 con chung:

- + Anh Ma Trung K2 – Sinh năm: 1986.
- + Chị Ma Thị Hiền M – Sinh năm: 1990.
- + Chị Ma Thị Họa M2 – Sinh năm: 1990 (đã chết năm 1999).
- + Chị Ma Thị H – Sinh năm: 1998.

Anh Ma Trung K2, chị Ma Thị Hiền M, chị Ma Thị H đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường. Ông Ma Văn K và bà Bé Thị K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung và công nợ:** Ông Ma Văn K, bà Bé Thị K1, anh Ma Trung K2, chị La Thị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ông K, bà K1, anh K2, chị Q không tự thỏa thuận được sẽ K2 kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

- **Về án phí:**

+ Ông Ma Văn K được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn (Ông K là thương binh).

+ Bà Bé Thị K1 phải chịu 75.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

+ Ông Ma Văn K, bà Bé Thị K1, anh Ma Trung K2, chị La Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường